

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
dân sự mua bán tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Bà Lê Thị Diệu Tuyên.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2022/QĐST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

***Bị đơn:*** Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2022, được sửa đổi, bổ sung ngày 07/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn

Văn D trình bày: Từ năm 2019 đến năm 2020, anh D có bán phân và thuốc bảo vệ thực vật cho bị đơn là chị Phạm Thị Đ, theo hình thức cho nợ 03 tháng đến hết vụ lúa thì bị đơn (chị Đ) phải thanh toán, việc mua bán có làm biên nhận do chị Đ ký tên, cụ thể các lần bị đơn mua còn thiếu như sau:

Vụ Đông Xuân, tháng 10/2019 (AL), hiện chị Đ còn nợ 6.000.000đ.

Đến tháng 02/2020 (AL, vụ lúa Hè thu), chị Đ tiếp tục mua thiếu phân và thuốc bảo vệ thực vật số tiền còn thiếu là 7.613.000đ.

Đến vụ giữa tháng 06/2020 (AL), chị Đ tiếp tục mua phân, thuốc bảo vệ thực vật hiện còn nợ 5.821.000đ.

Tổng cộng ba lần chị Đ mua còn thiếu chưa thanh toán với số tiền là 19.434.000đ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền tổng cộng là 19.434.000đ và lãi suất tính từ tháng 7/2020 (AL) đến khi xét xử vụ án, theo mức lãi suất do Nhà nước quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút lại phần yêu cầu tính lãi suất do Nhà nước quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn chị Phạm Thị Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất; không thống nhất: Không.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự phải chịu án phí theo quy định; kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Nguyễn Văn D khởi kiện chị Phạm Thị Đ. Tại thời điểm anh D khởi kiện, bị đơn đang cư trú tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Từ năm 2019 đến năm 2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nhiều hợp đồng mua bán tài sản (phân bón,

thuốc bảo vệ thực vật), quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn khởi kiện. Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý theo quan hệ: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn chị Phạm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[4] Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn chị Phạm Thị Đ đã nhận các văn bản về thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt nhiều lần không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, coi như chị Đ không chứng minh, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được xác lập từ năm 2019 - 2020, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang điều chỉnh, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp;

[6] Về nội dung vụ án: Từ năm 2019 đến năm 2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nhiều hợp đồng mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, việc mua bán thỏa thuận mua vụ này thì phải trả vụ trước, toàn bộ quá trình mua bán không có lập thành văn bản. Theo biên nhận ngày 14/12/2020 do bị đơn viết và ký tên, thể hiện: vụ Đông Xuân năm 2019 chị Đ còn nợ anh D 6.000.000đ; vụ Hè Thu năm 2020 là 7.613.000đ và vụ Giữa năm 2020 là 5.821.000đ, tổng cộng chị Đ còn nợ anh D số tiền là 19.434.000đ. Hợp đồng mua bán được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện, cam kết, thỏa thuận và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực đối với các bên. Do đó, kết luận: hợp đồng mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật giữa anh D với chị Đ là có thật, nên anh D không phải chứng minh việc mua bán.

[7] Theo “Biên nhận” đề ngày 14/12/2020, bên dưới chữ “Người viết biên nhận” là chữ ký và ghi rõ họ tên của chị Phạm Thị Đ; biên nhận này do anh D giao nộp cho Tòa án, thể hiện chị Đ còn nợ anh D số tiền tổng cộng là 19.434.000đ. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Số tiền chị Đ thừa nhận trong biên nhận ngày 14/12/2020, phù hợp với số tiền anh D khởi kiện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về lãi suất: Tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện rút lại phần yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước tính từ tháng 7/2020 AL; việc rút phần yêu cầu này là tự nguyện và có lợi cho bị đơn, nên Toà án ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phần yêu cầu về lãi suất nguyên đơn đã rút.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Điều 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14. Buộc bị đơn phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Các Điều 5, 6; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 150, 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Áp dụng:** Các Điều 430, 431, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.
2. Buộc chị Phạm Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền tổng cộng: 19.434.000đ (Mười chín triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- 3.1. Buộc chị Phạm Thị Đ phải nộp số tiền: 971.700đ (Chín trăm bảy mươi một ngàn bảy trăm đồng).

3.2. Anh Nguyễn Văn D được nhận lại 486.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002854 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

4. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hùng**

